

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
SOMECO SÔNG ĐÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014	13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014	14 - 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014	16 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các Công ty con.

Khái quát về các Công ty**Công ty Cổ phần Someco Sông Đà**

Công ty Cổ phần Someco Sông Đà là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà –là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cơ khí Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2503000087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 23 tháng 01 năm 2006 và cấp lại lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 5400240573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 17 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 02 tháng 4 năm 2014 do sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước – Tổng Công ty Sông Đà	35.700.000.000	46,15
Các cổ đông khác	41.650.000.000	53,85
Cộng	77.350.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3783 2398

Fax : (84-4) 3783 2397

Website : <http://www.someco.com.vn>

Mã số thuế : 5 4 0 0 2 4 0 5 7 3

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại miền Bắc	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại miền Trung	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 là:

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt máy, thiết bị công nghệ; Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh, nghiệm thu thiết bị, đường dây của hệ thống thông tin, hệ thống SCADA, hệ

thống điện tử phân tán (DCS) và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin (SCADA, EMS, DMS, RTU);

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và thủy điện (giám sát lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình); Tư vấn, đầu tư, lập và thực hiện các dự án xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; Hoạt động kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan bao gồm: dịch vụ thiết kế kết cấu; thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; dịch vụ tư vấn thiết kế khác;
- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các sản phẩm Công ty kinh doanh;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất; Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra khuyết tật kim loại;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết kế, đồng bộ thiết bị, lập hồ sơ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp các dây truyền công nghệ công nghiệp; Thử nghiệm, hiệu chỉnh, vận hành liên động, vận hành thử đồng bộ hệ thống máy móc thiết bị công nghệ; Thử nghiệm, hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thử nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
- Đúc sắt, thép. Chi tiết: Đúc sắt thép, kim loại màu;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Sản xuất, mua bán khí ôxy;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bất động sản./.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Số 5100199853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 04/01/2006	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Số 4900262326 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 02/11/2007	56%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Số 0104755407 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/06/2010	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Số 0104835162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2010	100%
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Số 5400351298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010	51%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Someco Sông Đà ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình vào Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Đến ngày 02 tháng 4 năm 2014, Công ty Cổ phần Someco Sông Đà đã hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình bằng việc phát hành thêm 735.000 cổ phiếu hoán đổi và tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Nghị quyết số 23 NQ/HĐQT ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Someco Sông Đà đã thông qua phương án sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco và tổ chức lại thành một chi nhánh của Công ty. Kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco vẫn chưa thực hiện xong việc sáp nhập này.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 46).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Someco Sông Đà khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	17 tháng 5 năm 2014	
Ông Kim Mạnh Hà	Chủ tịch	22 tháng 7 năm 2013	17 tháng 5 năm 2014
Ông Kim Mạnh Hà	Ủy viên	17 tháng 5 năm 2014	
Ông Nguyễn Anh	Ủy viên	22 tháng 7 năm 2013	17 tháng 5 năm 2014
Ông Trần Thanh Sơn	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Văn Thường	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Đức Trọng	Ủy viên	30 tháng 6 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Quang	Trưởng ban	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Lê Văn Lâm	Thành viên	10 tháng 4 năm 2011	
Bà Phạm Thị Canh	Thành viên	10 tháng 4 năm 2011	17 tháng 5 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên	17 tháng 5 năm 2014	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	10 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Đức Trọng	Phó Tổng Giám đốc	19 tháng 3 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Someco Sông Đà chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty mẹ và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty mẹ và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Someco Sông Đà đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ và các công ty con và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Someco Sông Đà cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty mẹ và các công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Someco Sông Đà phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

Ngày 10 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 89/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các Công ty con, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2015, từ trang 09 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Someco Sông Đà chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		644.012.888.695	545.201.361.596
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.665.302.112	4.220.679.853
1. Tiền	111		24.665.302.112	4.220.679.853
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.420.000.000	6.385.510.455
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.277.200.000	10.277.200.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(5.857.200.000)	(3.891.689.545)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		384.642.685.317	321.480.573.912
1. Phải thu khách hàng	131		353.776.220.566	276.066.833.125
2. Trả trước cho người bán	132		22.096.162.420	33.633.574.628
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	12.504.495.634	15.468.486.635
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(3.734.193.303)	(3.688.320.476)
IV. Hàng tồn kho	140		179.502.547.090	183.597.204.482
1. Hàng tồn kho	141	V.6	179.502.547.090	183.597.204.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		50.782.354.176	29.517.392.894
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.045.000	16.156.708
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.137.357.180	14.272.917.739
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	31.643.951.996	15.228.318.447

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		388.700.006.366	404.838.112.558
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	6.911.555.361
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	6.911.555.361
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		377.870.455.140	367.279.999.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	32.327.666.086	41.003.908.469
<i>Nguyên giá</i>	222		136.031.470.308	134.311.677.038
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(103.703.804.222)	(93.307.768.569)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.628.371.350	1.639.533.150
<i>Nguyên giá</i>	228		2.175.809.000	2.175.809.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(547.437.650)	(536.275.850)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	343.914.417.704	324.636.557.858
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.515.000.000	1.515.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.515.000.000	1.515.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.314.551.226	29.131.557.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	8.345.283.385	27.620.723.703
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		898.885.841	1.353.022.577
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	70.382.000	157.811.440
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.032.712.895.061	950.039.474.154

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		870.782.440.840	793.688.795.992
I. Nợ ngắn hạn	310		657.689.438.494	553.862.379.259
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	182.345.812.757	175.950.395.357
2. Phải trả người bán	312		114.114.406.720	80.038.340.070
3. Người mua trả tiền trước	313		126.941.082.419	93.637.906.789
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	68.556.911.579	63.609.468.501
5. Phải trả người lao động	315		13.488.772.895	13.980.037.497
6. Chi phí phải trả	316	V.16	76.061.553.055	70.349.470.900
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	73.608.722.423	47.029.104.362
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	6.800.435.883
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	2.572.176.646	2.467.219.900
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		213.093.002.346	239.826.416.733
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	19.003.172.740
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	402.460.000	474.366.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	206.800.764.152	205.890.003.152
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.21	5.889.778.194	14.458.874.841
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.097.290.165	122.843.356.858
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	140.097.290.165	122.843.356.858
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		77.350.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.705.951.408)	(2.392.311.120)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		36.872.389.696	34.022.512.207
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.581.558.825	4.163.010.575
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.072.115.825	5.122.967.969
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.23	21.833.164.056	33.507.321.304
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.032.712.895.061	950.039.474.154

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		484,94	27.283,87
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Mai Thị Na

Kế toán trưởng



Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2015



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		252.423.896.668	208.055.906.359
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.864.068.323	2.044.970.899
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	248.559.828.345	206.010.935.460
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	195.047.480.287	140.379.973.284
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.512.348.058	65.630.962.176
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	59.014.004	122.325.545
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.143.525.822	29.150.888.620
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.173.673.837	25.254.274.231
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	28.154.204.609	25.391.139.908
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.273.631.631	11.211.259.193
11. Thu nhập khác	31	VI.6	8.464.737.184	148.526.315
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.570.052.881	3.677.079.029
13. Lợi nhuận khác	40		4.894.684.303	(3.528.552.714)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.168.315.934	7.682.706.479
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.151.896.606	3.303.887.193
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	174.481.898
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.016.419.328</u>	<u>4.204.337.388</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(630.188)	1.868.297.890
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		4.017.049.516	2.336.039.498
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>519</u>	<u>334</u>

Người lập biểu



Mai Thị Na

Kế toán trưởng



Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.168.315.934	7.682.706.479
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8; 9	10.419.859.761	11.225.317.506
- Các khoản dự phòng	03	VI.4; 5	2.011.383.282	3.891.689.545
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		641.386.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.490.893)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	22.173.673.837	25.254.274.231
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.413.127.921	48.053.987.761
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(67.137.068.418)	18.847.128.778
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.094.657.392	(51.042.734.356)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		50.088.198.197	53.206.488.426
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		19.290.552.026	1.137.134.531
- Tiền lãi vay đã trả	13		(17.421.703.570)	(12.567.569.076)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(1.525.778.858)	(1.543.980.656)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		88.188.310	3.922.884.365
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.080.476.560)	(345.694.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.809.696.440	62.755.607.085
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.023.272.615)	(34.939.494.721)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		9.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.014.181.706)	(34.939.494.721)

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	166.180.148.351	249.673.462.540
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(159.524.477.181)	(275.406.430.364)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.563.645)	(10.470.048.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.649.107.525	(36.203.015.844)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20.444.622.259	(8.386.903.480)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.220.679.853	12.607.583.333
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	24.665.302.112	4.220.679.853

Người lập biểu



Mai Thị Na

Kế toán trưởng

Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Nhóm Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy; Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.

4. **Tổng số các công ty con** : 04
Trong đó: Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	90%	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	69%	56%
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	100%	100%

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Someco Sông Đà ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình vào Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Đến ngày 02 tháng 4 năm 2014, Công ty Cổ phần Someco Sông Đà đã hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình bằng việc phát hành thêm 735.000 cổ phiếu hoán đổi và tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Nghị quyết số 23 NQ/HĐQT ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Someco Sông Đà đã thông qua phương án sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco và tổ chức lại thành một chi nhánh của Công ty. Kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco vẫn chưa thực hiện xong việc sáp nhập này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

7. Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Nhóm công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Trợ cấp thôi việc

Nhóm Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Nhóm công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do nhóm công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà nhóm Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Nhóm công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.848.669.366	1.758.560.072
Tiền gửi ngân hàng	21.816.632.746	2.462.119.781
Cộng	24.665.302.112	4.220.679.853

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
Cộng		10.277.200.000		10.277.200.000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.891.689.545)	
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.965.510.455)	(3.891.689.545)
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	(5.857.200.000)	(3.891.689.545)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cán bộ công nhân viên	1.648.147.112	1.356.603.713
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.232.000.000	1.232.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	6.143.301.295	6.143.301.295
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	3.000.000.000
Chi hộ BHXH Hòa Bình	538.039.300	582.104.897
Các khoản phải thu khác	443.007.927	3.154.476.730
Cộng	12.504.495.634	15.468.486.635

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm		(1.882.567.563)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(1.882.567.563)	
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(1.851.625.740)	(1.805.752.913)
Cộng	<u>(3.734.193.303)</u>	<u>(3.688.320.476)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.688.320.476)	(3.581.283.881)
Trích lập dự phòng bổ sung	(45.872.827)	(107.036.595)
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	<u>(3.734.193.303)</u>	<u>(3.688.320.476)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	23.370.217.779	8.428.462.774
Công cụ, dụng cụ	665.416.393	677.948.447
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	155.466.912.918	174.490.793.261
Cộng	<u>179.502.547.090</u>	<u>183.597.204.482</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	21.280.751.996	14.849.892.447
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn ^(*)	10.363.200.000	378.426.000
Cộng	<u>31.643.951.996</u>	<u>15.228.318.447</u>

^(*) Trong đó: khoản cầm cố bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, số tiền 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cấp bảo lãnh, văn bản tín dụng được ký kết giữa Công ty Cổ phần Someco Sông Đà với Ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý
Nguyên giá				Cộng
Số đầu năm	19.241.837.193	78.201.871.712	34.383.352.702	134.311.677.038
Mua sắm mới		157.909.091		157.909.091
Tăng, giảm khác	1.240.060.276	205.024.714	140.000.671	1.599.884.179
Thanh lý, nhượng bán		(38.000.000)		(38.000.000)
Số cuối năm	20.481.897.469	78.526.805.517	34.523.353.373	136.031.470.308
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.766.780.572	25.015.974.715	22.018.761.609	55.208.843.649
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	9.891.884.324	53.900.405.172	28.161.128.762	93.307.768.569
Khấu hao trong năm	1.422.824.095	6.519.451.800	1.696.448.607	10.238.308.796
Tăng, giảm khác	697.438.844	(1.175.699.342)	653.660.601	188.126.841
Thanh lý, nhượng bán		(30.399.984)		(30.399.984)
Số cuối năm	12.012.147.263	59.213.757.646	30.511.237.970	103.703.804.222
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	9.349.952.869	24.301.466.540	6.222.223.940	41.003.908.469
Số cuối năm	8.469.750.206	19.313.047.871	4.012.115.403	32.327.666.086
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng		7.200.000	191.422.841	198.622.841
Đang chờ thanh lý	926.965.000	7.817.979.067	2.000.205.131	10.884.609.479

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 59.052.048.361 VND và 17.837.621.334 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Tăng trong năm				
Giảm trong năm				
Số cuối năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000		500.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		500.000.000	36.275.850	536.275.850
Khấu hao trong năm			11.161.800	11.161.800
Giảm trong năm				
Số cuối năm		500.000.000	47.437.650	547.437.650
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.620.000.000		19.533.150	1.639.533.150
Số cuối năm	1.620.000.000		8.371.350	1.628.371.350

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	22.000.000	894.901.265	157.909.091	22.000.000	736.992.174
XDCB dở dang	324.614.557.858	18.562.867.672	-	-	343.177.425.530
Công trình thủy điện Nậm Ly	116.984.886.081	3.416.539.460			120.401.425.541
Công trình thủy điện Bắc Giang	207.588.638.141	15.146.328.212			222.734.966.353
Trụ sở văn phòng Hà Giang	41.033.636				41.033.636
Cộng	324.636.557.858	19.457.768.937	157.909.091	22.000.000	343.914.417.704

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 (nhận ủy thác đầu tư)	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm		365.000.000		365.000.000
Cộng		1.515.000.000		1.515.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Tiền thuê đất	8.233.516.252		233.024.045		8.000.492.207
Chi phí thuê văn phòng	19.028.048.340		440.110.696	18.587.937.644	
Công cụ dụng cụ	136.539.999	83.939.120	90.111.008		130.368.111
Chi phí sửa chữa	179.512.306	129.625.527	184.488.366		124.649.467
Chi phí khác	43.106.806	96.696.975	50.030.181		89.773.600
Cộng	27.620.723.703	310.261.622	997.764.296	18.587.937.644	8.345.283.385

13. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	147.264.708.509	143.314.151.798
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	147.264.708.509	143.314.151.798
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	34.850.479.248	30.041.020.369
- Vay Tổng công ty Sông Đà	34.314.984.571	29.314.984.571
- Vay các cá nhân	535.494.677	726.035.798
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20)	230.625.000	2.595.223.190
Cộng	182.345.812.757	175.950.395.357

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Vay ngân hàng	Vay các tổ chức và cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	143.314.151.798	30.041.020.369	2.595.223.190	175.950.395.357
Số tiền vay phát sinh trong năm	160.680.148.351	5.500.000.000		166.180.148.351
Số kết chuyển			230.625.000	230.625.000
Tăng do lãi nhập gốc		9.121.230		9.121.230
Số tiền vay đã trả trong năm	(156.729.591.640)	(699.662.351)	(2.095.223.190)	(159.524.477.181)
Phân loại lại			(500.000.000)	(500.000.000)
Số cuối năm	147.264.708.509	34.850.479.248	230.625.000	182.345.812.757

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	45.782.678.533	5.556.912.926	1.370.134.789	49.969.456.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.370.542.430	2.151.896.606	1.525.778.858	13.996.660.178
Thuế thu nhập cá nhân	1.703.907.328	356.738.506	873.437.042	1.187.208.792
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.752.340.210	618.993.010		3.371.333.220
Các loại thuế khác		20.000.000	20.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		44.139.605	11.886.886	32.252.719
Cộng	63.609.468.501	8.748.680.653	3.801.237.575	68.556.911.579

Thuế giá trị gia tăng

Công ty mẹ và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5 - 10%
Hoạt động thương mại	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty mẹ và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.168.315.934	7.682.706.479
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.179.972.331	1.996.919.679
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.179.972.331	7.890.047.563
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	3.061.886.507	2.387.971.966
Lỗ của Các Công ty con	2.033.600	5.502.075.597
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con	116.052.224	
- Các khoản điều chỉnh giảm		(5.893.127.884)
Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ		(697.927.592)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con		(5.195.200.292)
Thu nhập chịu thuế	9.348.288.265	9.679.626.158
Lỗ các năm trước được chuyển	(349.303.979)	
Thu nhập tính thuế	8.998.984.287	9.679.626.158
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.979.776.543	2.419.906.540
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	172.120.063	883.980.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.151.896.606	3.303.887.193

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	57.993.208.416	43.569.645.427
Chi phí công trình	17.414.852.696	24.540.912.691
Chi phí khác	653.491.943	2.238.912.782
Cộng	76.061.553.055	70.349.470.900

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.968.651.247	2.771.119.811
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	24.387.330.167	19.526.286.983
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	451.399.089	357.082.775
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.870.586.295	8.877.149.940
Phải trả Tổng công ty Sông Đà	8.707.371.730	4.190.028.236
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	280.000.000	280.000.000
Tiền phạt thuế	2.643.353.492	1.396.632.988
Quỹ tự nguyện	162.993.857	14.684.499
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào		1.450.000.000
Nhận ủy thác đầu tư	1.150.000.000	1.150.000.000
Lương của CBCNV chưa nhận	947.526.245	981.254.497
Ban điều hành Dự án thủy điện Xecaman 3	15.947.972.339	
Các khoản phải trả khác	7.091.537.962	6.034.864.633
Cộng	73.608.722.423	47.029.104.362

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.467.219.900	1.260.780.274
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	191.156.746	1.269.539.626
Tăng khác	9.800.000	
Chi quỹ trong năm	(96.000.000)	(63.100.000)
Số cuối năm	2.572.176.646	2.467.219.900

19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	206.800.764.152	205.890.003.152
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Lạng Sơn ⁽ⁱ⁾	127.870.653.291	127.591.970.171
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	78.930.110.861	78.067.407.981
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội		230.625.000
Cộng	206.800.764.152	205.890.003.152

(i) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009-HĐTD-Bắc Giang và số 02/2009-HĐTD-Bắc Giang ngày 21 tháng 01 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn để thanh toán một phần chi phí đầu tư thực hiện dự án thủy điện Bắc Giang với hạn mức tối đa là 141.406.000.000 VND và 3.710.000 USD, thời hạn vay là 13 năm 6 tháng, ân hạn 2 năm 9 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 4,2%/năm với khoản vay VND và cộng 3% với khoản vay bằng ngoại tệ, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai là công trình thủy điện Bắc Giang. Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn chưa phê duyệt kế hoạch trả nợ đối với khoản vay này.

(ii) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung ngày 19 tháng 12 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án nhà máy thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000 USD, thời hạn vay là 124 tháng, ân hạn 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai là công trình thủy điện Nậm Ly 1. Công ty Cổ phần Someco Hà Giang và Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Giang đang điều chỉnh kế hoạch trả nợ đối với khoản vay này.

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	205.890.003.152	210.214.230.532
Số tiền vay phát sinh trong năm		23.682.183.022
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ	641.386.000	222.543.360
Phân loại lại	500.000.000	
Số tiền vay đã trả trong năm		(25.769.730.572)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(230.625.000)	(2.459.223.190)
Số cuối năm	206.800.764.152	205.890.003.152

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Dự phòng phải trả dài hạn

	Chi phí bảo hành công trình xây lắp	Hợp đồng có rủi ro lớn	Cộng
Số đầu năm	12.233.685.886	2.225.188.955	14.458.874.841
Tăng do trích lập trong năm	6.800.435.883		6.800.435.883
Số đã sử dụng trong năm	(5.425.875.855)	(2.225.188.955)	(7.651.064.810)
Số đã hoàn nhập trong năm	(7.718.467.720)		(7.718.467.720)
Số cuối năm	5.889.778.194		5.889.778.194

Số dư chi phí bảo hành công trình xây lắp tại 31 tháng 12 năm 2014 là dự phòng bảo hành công trình Thủy điện Nậm Chiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	11.927.177.227	(2.155.808.880)	32.278.071.112	3.647.427.677	12.375.885.820	128.072.752.956
Lợi nhuận trong năm trước						2.336.039.498	2.336.039.498
Trích lập các quỹ trong năm trước							
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông thiểu số				1.744.441.095	515.582.898	(3.291.189.790)	(1.031.165.797)
Chia cổ tức năm 2011						2.232.441	2.232.441
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền tệ			(236.502.240)			(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
Số dư cuối năm trước	70.000.000.000	11.927.177.227	(2.392.311.120)	34.022.512.207	4.163.010.575	5.122.967.969	122.843.356.858
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	11.927.177.227	(2.392.311.120)	34.022.512.207	4.163.010.575	5.122.967.969	122.843.356.858
Lợi nhuận trong năm nay						4.017.049.516	4.017.049.516
Trích lập các quỹ trong năm nay				191.156.746	95.578.373	(477.891.865)	(191.156.746)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông thiểu số			63.162.310			(107.481)	63.054.829
Tăng do sáp nhập Công ty con	7.350.000.000			2.658.720.743	322.969.877	2.446.408.664	12.778.099.284
Tăng, giảm khác						963.689.022	963.689.022
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền tệ			(376.802.598)			-	(376.802.598)
Số dư cuối năm nay	77.350.000.000	11.927.177.227	(2.705.951.408)	36.872.389.696	4.581.558.825	12.072.115.825	140.097.290.165

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	41.650.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	89.277.177.227	81.927.177.227

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	6.563.645	10.470.048.020

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.735.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.735.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.735.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	33.507.321.304	32.982.129.684
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(630.188)	1.868.297.890
Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong năm	1.290.640.000	
Giảm do sáp nhập Công ty con	(12.778.099.284)	
Tăng, giảm khác	(123.012.947)	
Chia cổ tức cho cổ đông thiểu số		(1.102.500.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		(238.373.829)
Ảnh hưởng do thay đổi lợi ích cổ đông thiểu số	(63.054.829)	(2.232.441)
Số cuối năm	21.833.164.056	33.507.321.304

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	252.423.896.668	208.055.906.359
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	525.875.655	5.382.707.423
- Doanh thu hoạt động xây dựng	251.898.021.013	200.840.414.299
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác		1.832.784.637
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(3.864.068.323)	(2.044.970.899)
- Giảm giá hàng bán	(3.864.068.323)	(2.044.970.899)
Doanh thu thuần	248.559.828.345	206.010.935.460
Trong đó:		
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	525.875.655	5.382.707.423
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	248.033.952.690	198.795.443.400
- Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh khác		1.832.784.637

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	283.175.192	4.399.746.797
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	194.764.305.095	134.683.557.575
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác		1.296.668.912
Cộng	195.047.480.287	140.379.973.284

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	58.950.641	122.325.545
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.363	
Cộng	59.014.004	122.325.545

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.173.673.837	25.254.274.231
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.341.530	4.924.844
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.965.510.455	3.891.689.545
Cộng	24.143.525.822	29.150.888.620

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	16.698.295.353	14.368.410.876
Chi phí vật liệu quản lý	1.020.887.399	908.004.714
Chi phí đồ dùng văn phòng	260.487.694	134.782.896
Chi phí khấu hao TSCĐ	979.469.045	1.002.185.272
Thuế, phí và lệ phí	13.000.000	37.034.900
Chi phí dự phòng	45.872.827	107.036.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.090.403.645	5.048.273.453
Chi phí bằng tiền khác	4.045.788.646	3.785.411.202
Cộng	28.154.204.609	25.391.139.908

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý công cụ dụng cụ, hàng tồn kho	523.620.454	
Thu nhập từ bán hồ sơ thầu	41.818.185	
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	7.718.467.720	
Xử lý khoản công nợ không phải trả	179.584.991	4.184.488
Chiết khấu thương mại được hưởng		9.414.225
Thu nhập khác	1.245.834	134.927.602
Cộng	8.464.737.184	148.526.315

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	7.600.016	
Chi phí thanh lý hàng tồn kho	450.565.500	
Tiền phạt vi phạm hành chính	9.822.000	
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.881.238.917	1.556.378.142
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.149.845.971	1.162.058.528
Chi phí bồi thường hợp đồng	70.979.619	
Chi phí khác	858	958.642.359
Cộng	3.570.052.881	3.677.079.029

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.017.049.516	2.336.039.498
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.017.049.516	2.336.039.498
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.735.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	519	334

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.000.000	7.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành để hoán đổi cổ phiếu năm 2014	735.000	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.735.000	7.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.163.944.045	1.330.035.133
Phụ cấp	295.254.545	183.936.364
Cộng	1.459.198.590	1.513.971.497

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Công ty nhận vốn góp

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa nhóm công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>		
Doanh thu xây lắp thực hiện cho Tổng Công ty	116.385.489.691	8.321.038.110
Vay vốn lưu động của Tổng Công ty	5.000.000.000	6.500.000.000
Lãi tiền vay vốn lưu động phải trả Tổng Công ty	4.768.100.896	3.572.444.101
Ứng trước về công trình xây lắp	6.604.541.728	19.695.992.774
Phí dịch vụ phải trả	185.194.046	
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên</i>		
Doanh thu xây lắp Someco cung cấp	3.858.392.013	
Thanh toán tiền xây lắp	306.270.265	100.000.000
Trả tiền vay		400.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc</i>		
Doanh thu xây lắp Someco cung cấp	2.738.847.005	
Thanh toán tiền xây lắp	1.600.000.000	9.182.873.614

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7</i>		
Doanh thu xây lắp Someco cung cấp	14.851.883.577	6.782.179.476
Thanh toán tiền xây lắp	8.764.717.120	2.669.000.000
Ứng trước tiền thi công	100.000.000	50.000.000
Mua vật tư	1.026.378	453.627.778

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	87.198.621.492	7.528.855.724
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên</i>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	73.905.310.422	69.967.349.473
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc</i>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	34.554.986.477	33.142.254.770
Phải thu tiền lãi chậm trả khối lượng thi công	6.143.301.295	6.143.301.295
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7</i>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	21.412.950.713	15.442.103.796
Cộng nợ phải thu	<u>223.215.170.399</u>	<u>132.223.865.058</u>
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>		
Phải trả tiền vay ngắn hạn	34.314.984.571	29.314.984.571
Phải trả cổ tức		3.213.000.000
Phải trả lãi vay	8.592.177.684	4.190.028.236
Phải trả tiền thuê văn phòng	456.758.606	20.557.597.643
Tiền ứng trước công trình xây lắp	82.814.705.871	19.695.992.774
Phí dịch vụ phải trả	115.194.046	
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên</i>		
Phải trả tiền vay	280.000.000	280.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7</i>		
Phải trả tiền mua vật tư	1.026.378	367.617.830
Cộng nợ phải trả	<u>126.574.847.156</u>	<u>77.619.221.054</u>

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty mẹ và các công ty con cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Nhóm công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực đầu tư xây dựng thủy điện
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí, thí nghiệm, tư vấn thiết kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm công ty như sau:

<i>Năm nay</i>	<i>Xây lắp</i>	<i>Đầu tư Thủy điện</i>	<i>Hoạt động khác</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Cộng</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	248.033.952.690		525.875.655		248.559.828.345
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			91.821.145.945	(91.821.145.945)	
Tổng doanh thu thuần	248.033.952.690		92.347.021.600	(91.821.145.945)	248.559.828.345
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					53.512.348.058
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(28.154.204.609)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					25.358.143.449
Doanh thu hoạt động tài chính	53.269.647.595		242.700.463		59.014.004
Chi phí tài chính					(24.143.525.822)
Thu nhập khác					8.464.737.184
Chi phí khác					(3.570.052.881)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.151.896.606)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.130.799.251	18.568.067.672	74.363.636		4.016.419.328
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.832.482.491	230.986.730	56.726.149		11.120.195.370
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	1.965.510.455		45.872.827		2.011.383.282

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Xây lắp	Đầu tư Thủy điện	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	198.795.443.400		7.215.492.060		206.010.935.460
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần	198.795.443.400		7.215.492.060		206.010.935.460
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					65.630.962.176
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	64.111.885.825		1.519.076.351		(25.391.139.908)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					40.239.822.268
Doanh thu hoạt động tài chính					122.325.545
Chi phí tài chính					(29.150.888.620)
Thu nhập khác					148.526.315
Chi phí khác					(3.677.079.029)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.303.887.193)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(174.481.898)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					4.204.337.388
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	552.330.240	22.915.967.615			23.468.297.855
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.003.892.146	310.785.911			12.314.678.057
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	3.998.726.140				3.998.726.140

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm công ty như sau:

	Xây lắp	Đầu tư Thủy điện	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	623.719.640.261	384.279.367.401	12.921.687.399		1.020.920.695.061
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					11.792.200.000
Tổng tài sản					1.032.712.895.061
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	574.169.479.056	284.655.743.099	11.957.218.685	-	870.782.440.840
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả					870.782.440.840
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	554.384.534.817	365.668.114.297	18.194.625.040		938.247.274.154
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					11.792.200.000
Tổng tài sản					950.039.474.154
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	508.695.368.428	266.926.960.105	17.283.405.034		792.905.733.567
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả					792.905.733.567

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Nhóm công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho nhóm công ty.

Nhóm công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Nhóm công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của nhóm công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là trung bình.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của nhóm công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.665.302.112				24.665.302.112
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	365.000.000				365.000.000
Phải thu khách hàng	353.776.220.566				353.776.220.566
Các khoản phải thu khác	14.608.589.927			6.143.301.295	20.751.891.222
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.570.000.000			5.857.200.000	11.427.200.000
Cộng	398.985.112.605			12.000.501.295	410.985.613.900